TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÓC SƠN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC

Bản án số:175/2019/HSST
Ngày: 29/11/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Văn Phi**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Đăng Hải**

Bà **Đào Thị Đoan**

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà **Trần Thị Bích Nguyệt** - thư ký Toà án nhân dân huyện Sóc Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn tham gia phiên toà: Ông **Tạ Quốc Tuấn** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn - TP Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 197/2019/ HSST ngày 19 tháng 11 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 208/HSST-QĐ ngày 20/11/2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn B, sinh 1979**,** tại xã P1 L, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội; Nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú: thôn P M, xã P1 L, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội; Nghề nghiệp: tự do; văn hoá: 3/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn L; con bà: Nguyễn Thị M; vợ: Lý Thị Thanh Nh, con: có 01 con sinh năm 2004; tiền án: có 01 tiền án: Bản án số 204/HSST- ngày 19/12/2014, TAND huyện Sóc Sơn thành phố Hà Nội xử 36 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". (Bản án chưa được xóa). về nhân thân: Ngày 13/12/1995, Công an huyện Sóc Sơn, lập danh chỉ bản về hành vi "Trộm cắp tài sản của công dân" (đã được xóa);

Ngày 01/6/1999, Công an huyện Sóc Sơn, Hà Nội lập danh bản Tập trung cải tạo về tội hình sự theo Quyết định tập trung cải tạo số 60 ngày 14/5/1996 của UBND TP Hà Nội (đã được xóa);

Tại bản án số 1099/ HSST- ngày 27/7/1999, của TAND TP Hà Nội xử 04 năm tù về tội " Trộm cắp tài sản công dân"; chấp hành xong bản án ngày 29/02003 (bản án đã được xóa);

Ngày 11/6/2005. Công an huyện Sóc Sơn, Hà Nội lập danh bản, phạt hành chính về hành vi "Gây rối trật tự công cộng" (đã được xóa);

Ngày 23/9/2005, UBND huyện Sóc Sơn có Quyết định số: 1898 áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng tại Trung tâm giáo dục lao động xã hội số VI (đã được xóa);

Ngày 09/6/2009, UBND huyện Sóc Sơn có Quyết định số 5047 áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng tại Trung tâm giáo dục lao động số III (đã được xóa);

Ngày 30/5/2011, UBND huyện Sóc Sơn có Quyết định số 2094 áp dụng biện pháp sau cai nghiện tại Trung tâm GDLĐ Thanh niên Hà Nội (đã được xóa);

Ngày 18/10/2013, UBND huyện Sóc Sơn có Quyết định số 5552 áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng tại Trung tâm giáo dục lao đông số III (đã được xóa);

Ngày 02/8/2018, đi cai nghiện tự ma túy tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số VI thời hạn 06 tháng; hoàn thành xong ngày 01/02/2019. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày: 15/10/2019 có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà Khổng Việt H, sinh 1975; trú quán: thôn D Th, xã T D1, huyện Sóc Sơn, Hà Nội (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa; nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng hơn 12h ngày 21/06/2018, Nguyễn Văn B điều khiển xe máy Dream (không rõ BKS) đi từ nhà ra khu đô thị Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn, Hà Nội. Khi đến ngã 3 giao giữa đường khu đô thị S S và đường 131, B dừng xe dựng ở ria đường rồi đi vào cửa hàng bàn nghế Xuân Hòa tại địa chỉ số x, đường N Đ, tổ y, thị trấn S S, huyện sóc Sơn của chị Khổng Thị H thì thấy cháu Trần D A, sinh ngày 20/5/2005 (con gái chị H) đang ngồi trông cửa hàng. B hỏi cháu D A có ai vào cửa hàng không thì cháu D A không trả lời nên B đi vào phía trong, cũng không thấy cháu D A đi theo. Thấy có 01 lối cầu thang nên B đi theo lên tâng 2, đến phòng vợ c H chị H đang ngủ, đầu giường có để 01 chiếc túi xách bằng da nhưng không kiểm tra bên trong, cạnh túi xách có 01 máy tính bảng Samsung Tab 2 và 01 điện thoại Galaxy S7. B lấy chiếc điện thoại và máy tính bảng cất vào túi quần rồi cầm chiếc túi da trên tay, quay ra cầu thang đi xuống dưới cửa hàng, rồi đi ra ngoài theo cửa phụ, lấy xe máy đi về thôn P M, xã P1 L dừng xe mở khóa túi xách lấy bên trong túi xách có số tiền 1.600.000đồng và một số giấy tờ cá nhân. B lấy hết số tiền, còn lại giấy tờ cá nhân trong túi. Sau đó B quay lại vứt chiếc túi xách ở chân cầu thang tại cửa hàng nhà chị H rồi mang chiếc điện thoại và máy tính bảng trộm

cắp được lên ngã ba phố C, thị xã P1 Y, tỉnh T N bán cho 01 người đi đường không quen biết được 4.500.000đồng, trong đó bán điện thoại được 2.500.000đồng và máy tính bảng được 2000.000đồng. Số tiền trên B chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 24/9/2018, chị H có đơn trình báo về việc chưa ngày 21/9/2018, chị bị kể gian trộm cắp tài sản tại cửa hàng nội thất ở tổ y, thị trấn S S, huyện Sóc Sơn, Hà nội. Cùng ngày, Cơ quan điều tra đã xác định được đối tượng Nguyễn Văn B là người trộm cắp tài sản của chị H.

Tại kết luận định giá tài sản số: 54/KL ngày 22/02/2018, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Sóc Sơn kết luận: 01 chiếc máy tính nhãn hiệu Sam sung Tab 2 có trị giá 1.866.900đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Glaxy S7 có trị giá 3.072.000đồng; 01 chiếc túi đựng tiền có trị giá 60.000đồng. Tổng tài sản B chiếm đoạt của chị H là: 4.998.900đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Chị H yêu cầu B bồi thường số tiền là 6.598.900đồng. Đến nay B chưa bồi thường.

Tại bản cáo trạng số: 188/CT/VKS ngày 18/11/2019, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn truy tố bị cáo Nguyễn Văn B về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung vụ án đã nêu, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn duy trì công tố tại phiên Toà vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và kết luận: Bị cáo phạm tội " Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Sau khi phân tích đánh giá tính chất của vụ án, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân của bị cáo, xem xét thái độ khai báo của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, Điều 173; điểm s, khoản 1, Điều 51, điểm h, khoản 1, Điều 52 (tái phạm), Điều 38 Bộ luật Hình sự; Điều 589, 357 Bộ luật dân sự; Điều 135 Bộ luật tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Xử phạt: Nguyễn Văn B mức án từ: 12 đến 15 tháng tù

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Khổng Việt H số tiền: 6.598.900đồng.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng với bị cáo.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Trưa ngày 21/6/10/2018, tại tổ y thị trấn S S, huyện Sóc Sơn, Hà Nội Nguyễn Văn B đã có hành vi lén lút trộm cắp của chị Khổng Việt H 01 điện thoại Samsung có trị giá 3.072.000đ, 01 máy tính Samsung có trị giá 1.866.900đồng, 01 chiếc túi bằng da có trị giá 60.000đồng và số tiền 1.600.000đ. Tổng tài sản B chiếm đoạt là 6.589.900đồng.

Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật. Xét thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo lén lút chiếm đoạt tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác, gây mất trật tự trị an, do đó việc đưa bị cáo ra xét xử bằng pháp luật là cần thiết nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Căn cứ vào tính chất của vụ án, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo cần lên một mức hình phạt, cho tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên khi lượng hình cũng nên xem xét đến tính chất của vụ án, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ mà Bộ luật hình sự quy định khi lượng hình đối với bị cáo. Bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, đó là các tình tiết xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình quy định tại điểm s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng: Bản án số 204/HSST-ngày 19/12/2014, TAND huyện Sóc Sơn thành phố Hà Nội xử 36 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". (Bản án chưa được xóa). Bị cáo phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; nhân thân: Ngày 13/12/1995, Công an huyện Sóc Sơn, lập danh chỉ bản về hành vi "Trộm cắp tài sản của công dân" (đã được xóa); Ngày 13/12/1995, Công an huyện Sóc Sơn, lập danh chỉ bản về hành vi "Trộm cắp tài sản của công dân" (đã được xóa); Ngày 01/6/1999, Công an huyện Sóc Sơn, Hà Nội lập danh bản Tập trung cải tạo về tội hình sự theo Quyết định tập trung cải tạo số 60 ngày 14/5/1996 của UBND TP Hà Nội (đã được xóa); Tại bản án số 1099/ HSST- ngày 27/7/1999, của TAND TP Hà Nội xử 04 năm tù về tội " Trộm cắp tài sản công dân"; chấp hành xong bản án ngày 29/02003 (bản án đã được xóa); Ngày 11/6/2005. Công an huyện Sóc Sơn, Hà Nội lập danh bản, phạt hành chính về hành vi "Gây rối trật tự công cộng" (đã được xóa); Ngày 23/9/2005, UBND huyện Sóc Sơn có Quyết định

số: 1898 áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng tại Trung tâm giáo dục lao động xã hội số VI (đã được xóa); Ngày 09/6/2009, UBND huyện Sóc Sơn có Quyết định số 5047 áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng tại Trung tâm giáo dục lao động số III (đã được xóa); Ngày 30/5/2011, UBND huyện Sóc Sơn có Quyết định số 2094 áp dụng biện pháp sau cai nghiện tại Trung tâm GDLĐ Thanh niên Hà Nội (đã được xóa); Ngày 18/10/2013, UBND huyện Sóc Sơn có Quyết định số 5552 áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng tại Trung tâm giáo dục lao động số III (đã được xóa); Ngày 02/8/2018, đi cai nghiện tự nguyện ma túy tại Cơ sở cai nghiện ma túy số VI thời hạn 06 tháng; hoàn thành xong ngày 01/02/2019. Xét thấy bị cáo phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm, có nhân thân xấu, nên cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng, giáo dục bị cáo chở thành công dân có ích cho xã hội. Đối với mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là phù hợp với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo nên chấp nhận.

Đối với việc chị H khai số tiền chị bị B trộm cắp khoảng 2000.000đồng; B khai nhận trộm cắp số tiền 1.600.000đồng. Quá trình điều tra ngoài lời khai của chị H thì không có tài liệu nào khác chứng minh nguồn gốc số tiền bị trộm cắp nên không có căn cứ để xác định số tiền chị H bị trộm cắp là 2.000.000đ.

Đối với người nam giới B khai bán chiếc điện thoại và máy vi tính bảng trộm cắp được của chị H, do B không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể và không nhớ đặc điểm của người này nên Cơ quan CSĐT – Công an huyện Sóc Sơn không có cơ sở để làm rõ. Cơ quan điều tra ra thông báo truy tìm chiếc điện thoại và máy tính bảng nhưng không thu giữ được.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Dream B sử dụng đi trộm cắp tài sản, B khai mượn của 01 bạn nghiện mới quen ở P1 Y, T N (B không nhớ tên, tuổi địa chỉ cụ thể). Sau khi trộm cắp, B đã trả lại xe cho người này, vì vậy Cơ quan điều tra không có cơ sở để làm rõ và thu giữ chiếc xe.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ thì hoàn cảnh kinh tế gia đình bị cáo không có tài sản gì giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Khổng Việt H số tiền thiệt hại về tài sản là 6.598.900đồng.

Về vật chứng: không có.

Kể từ ngày khởi tố vụ án cho đến khi truy tố Điều tra viên, Kiểm sát viên đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự.

Về án phí bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1, Điều 173; điểm s, khoản 1, Điều 51, điểm h, khoản 1, Điều 52 (tái phạm), Điều 38 Bộ luật Hình sự; Điều 589, 357 Bộ luật dân sự; Điều 135 Điều 333, 337 Bộ luật tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Xử phạt: Nguyễn Văn B: 12 (mười hai) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam: 15/10/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Khổng Việt H số tiền: 6.598.900đồng (sáu triệu năm trăm chín tám nghìn chín trăm đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải chịu lãi suất số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả số tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1, Điều 68 Bộ luật dân sự; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo khoản 2, Điều 468 của Bộ luật này.

Về án phí: bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 330.000đ án phí dân sự cho nhà nước.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân TP Hà Nội.

Người bị hại: có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân TP Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

<u>ơi nhân:</u>
- Bị cáo;
.- VKSND. huyện Sóc Sơn;
- THA DS huyện Sóc Sơn;
- Công an h. Sóc Sơn;
- Các đ- ơng sự;
- L- u : HS, VP.

T/M Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Phi